

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và mức hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và mức hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai.

Đối với đất nông nghiệp là đất trồng lúa thì việc sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 182 Luật Đất đai và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Điều kiện áp dụng

1. Người sử dụng đất nông nghiệp được sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Diện tích đất nông nghiệp của khu đất đang sử dụng tối thiểu từ 1.000 m² trở lên (bao gồm một thửa hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng người sử dụng đất).

b) Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và còn thời hạn sử dụng đất.

c) Không thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 121 Luật Đất đai.

2. Người có đất thu hồi được hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.

Điều 4. Diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

a) Diện tích khu đất từ 1.000 m² đến 5.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 25 m².

b) Diện tích khu đất từ trên 5.000 m² đến 10.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m².

c) Diện tích khu đất từ trên 10.000 m² đến 20.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 75 m².

d) Diện tích khu đất từ trên 20.000 m² đến 30.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 m².

đ) Diện tích khu đất từ trên 30.000 m² đến 40.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 125 m².

e) Diện tích khu đất từ trên 40.000 m² đến 50.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 150 m².

g) Diện tích khu đất từ trên 50.000 m² trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 200 m².

2. Điều kiện xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

a) Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trung bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

b) Không làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng các công trình thủy lợi, công trình đê điều, công trình giao thông nội đồng, diện tích sản xuất nông nghiệp hiện đang sản xuất liền kề.

c) Công trình được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm; xây dựng bằng vật liệu lắp ghép đơn giản, dễ tháo dỡ.

d) Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất, nhưng tổng diện tích không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

4. Diện tích đất xây dựng công trình theo Quyết định này được thống kê là đất nông nghiệp theo loại đất đã được xác định tại các loại giấy tờ đất đai có liên quan theo quy định.

Điều 5. Mức hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi được thực hiện theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2024.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm của địa phương được phê duyệt, lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết bổ sung quy định cho phù hợp điều kiện thực tế thì các Sở, ban ngành

và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời có ý kiến gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như khoản 1 Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, TN&MT, XD, LĐ-TB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trang TTĐT Văn phòng UBND tỉnh;
- Hộp thư: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH, XD, VX, NC. (6b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam